

# NGỮ PHÁP MINNA BÀI 1

📖 50 Bài Minna(full) 👁 4,107 Views

## 50 bài Minna cơ bản- Bài 1 -Tôi tên là Mira

Ngữ pháp minna bài 1

Chào các bạn. Chào mừng các bạn đến với Series 50 bài Minna cơ bản. Hôm nay chúng ta sẽ học bài đầu tiên nhé.

### Mình nói qua 1 chút về cách viết của mình.

- Mình sẽ cố gắng viết và giải thích dễ hiểu nhất có thể
- Không nhắc lại nhiều những gì trong sách đã có ghi kỹ trừ phần giải thích ngữ pháp
- Thêm vào hoàn cảnh học của mỗi bài để các bạn có thể hình dung ra bạn học
- Giải thích một số từ mới cần giải thích chi tiết hơn
- Nói thêm về văn hóa của người N liên quan tới bài
- Thêm phần luyện tập để các bạn có thể ôn bài
- Thêm phần chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Nhật vào trước mỗi bài
- Những gì mình còn thắc mắc về ngữ pháp hay cách dùng từ mình luôn cố gắng tham khảo các bài viết của những người N về vấn đề đó để các bạn có thể yên tâm hơn là kiến thức đó có độ chuẩn xác cao.
- Đến những bài cần so sánh thì mình sẽ viết những bài riêng để so sánh, phân biệt những điều các bạn dễ nhầm lẫn hoặc khó hiểu.

An error occurred.

Try watching this video on [www.youtube.com](https://www.youtube.com), or enable JavaScript if it is disabled in your browser.

## I. Hoàn cảnh của bài học – ngữ pháp minna bài 1

Bài này nói về a ミラーさん là người Mỹ đến Nhật công tác. A là nhân viên của công ty IMC. Hãy xem a ấy giới thiệu bản thân mình cho mọi người biết nhé. Qua đây các bạn có thể thấy được, khi các bạn muốn giới thiệu bản thân mình với người khác thì trong tiếng Nhật cần nói những gì là đủ.

Ngữ pháp minna bài 1

## II. Tóm tắt ngữ pháp minna bài 1

1. Cấu trúc Danh từ 1 は Danh từ 2 です。 Đây là câu khẳng định.

**Danh từ 1 là Danh từ 2. Lưu ý は đọc là わ**

vd1: わたし は マイン です。 Tôi là Mạnh.

vd2: わたし は かいしゃいん です。 ( Tôi là nhân viên công ty)

Lưu ý 1: Tên người nước ngoài được dịch sang カタカナ

Lưu ý 2: 1 câu luôn có chủ ngữ và vị ngữ trong mẫu câu trên thì Danh từ 1 là chủ ngữ

Danh từ 2 です là vị ngữ.

Lưu ý 3: は là trợ từ. Sau này các bạn học sẽ gặp nhiều trợ từ nữa như を, に, が...nhưng câu đã có chủ ngữ, vị ngữ thì sẽ cần điền thêm trợ từ は nhé.

Lưu ý 4: Tên của mình thì không dùng さん

2. Danh từ 1 は Danh từ 2 じゃ ありません。 Câu phủ định

(では) dùng trong văn viết.

**Danh từ 1 không phải là Danh từ 2. Lưu ý は đọc là わ, では đọc là でわ**

vd1: わたし は さとう じゃ ありません。 Tôi không phải là satou

vd2: あのひと は がくせい ではありません。 Người đó không phải là học sinh.

3. Danh từ 1 は Danh từ 2 です **か**。 Câu hỏi

**Danh từ 1 có phải là danh từ 2 không?**

vd1: A:あなた は だいがくせい ですか。 Bạn có phải là sinh viên đại học không?

B:はい、だいがくせい です。(いいえ、だいがくせい じゃ ありません。)

Vâng, tôi là sv đại học. Không, tôi không phải là sinh viên đại học.

vd2: A:ミラーさん は いしゃ ですか。 Anh Mira có phải là bác sĩ không?

B:いいえ、ミラーさん は いしゃ では ありません。かいしゃいん です。 Không, anh Mira không phải là bác sĩ. là nhân viên công ty.

Lưu ý: Mẫu câu này là mẫu câu hỏi , gần giống mẫu câu khẳng định, chỉ thêm trợ từ か ở cuối câu

Trợ từ か đọc lên giọng ở cuối câu.

Kết thúc của câu hỏi vẫn kết thúc bằng dấu 。 này nhé.

Ngữ pháp minna bài 1

4. Trợ từ も – cũng

Vì là cũng nên phải có cái gì đó giống thì mới cũng được nhé, không đi một mình được.

vd: ミラーさん は かいしゃいん です。 Anh Mira là nhân viên công ty.

わたし **も** かいしゃいん です。 Tôi cũng là nhân viên công ty.

Nếu không có câu trước mà đột nhiên các bạn dùng わたし も かいしゃいん です。 thì người nghe không hiểu là ai cũng giống tôi – cũng là nhân viên công ty.

5. Danh từ 1 の Danh từ 2

– Nối 2 danh từ- cái này hack não người mới học

**Dịch là Của**

vd: わたしのなまえ( tên của tôi)

Lưu ý: Cái này ngược với tiếng V nên hại não người học, mới đầu học sẽ rất dễ nhầm. Không có cách nào khác là luyện tập nhiều cho quen thôi.

Ngữ pháp minna bài 1

6. さん

Trong tiếng Nhật さん dùng với tên người. Tên người khác mà không phải tên mình.

Ngoài さん ra còn có một số từ sau đi vs người để thể hiện thái độ khác nhau của người nói:

– ちゃん- trong sách là dùng theo tên bé gái- ví dụ さくら ちゃん

Nhưng thực tế vẫn dùng cho các bạn gái được ( ví dụ bạn bè trong nhóm đi chơi chung có thể hỏi 1 bạn gái nào đó là có khỏe không thì vẫn dùng : あさこちゃん は 元気 (げんき) ですか。 Và thường thì là người trên gọi như vậy với người con gái ít tuổi hơn. Cách dùng thân thiết.

-<くん tên dùng với bé trai ví dụ あおき くん – Thực tế bạn bè gọi nhau thân thiết thì con trai vẫn bị gọi là <くん, người trên gọi người dưới, ví dụ như mình hay bị các sếp trong công ty gọi là マインくん

– さま (様) – dịch là Ngài, Khách hàng, vị- dùng trong công việc với đối tác làm ăn, khách hàng của quán ...

Ngữ pháp minna bài 1

### III.Văn hóa của người N liên quan tới minna bài 1

#### Học cách giới thiệu bản thân bằng tiếng Nhật

Trong bài thì a Mira có giới thiệu như sau:

はじめまして。(Rất hân hạnh được gặp bạn)- Lời mở đầu, cho lần gặp đầu tiên, lúc nào cũng có

マイク・ミラーです。( Tôi là Mira)- Giới thiệu tên- cái này tất nhiên là sẽ có.

アメリカから 来ました。( Tôi đến từ Mỹ)- Nếu là người cùng 1 nước với nhau không nói cũng được.

どうぞ よろしく。( Mong được giúp đỡ) Lời kết- Lúc nào cũng có – lịch sự hơn 1 chút thì dùng cả

どうぞ よろしくお願いします。

– Các bạn cứ coi trên là 1 công thức trong toán học, áp dụng để giải bài toán giới thiệu bản thân.Chỉ có 4 câu thôi, và mình nghĩ như vậy là đủ. Câu 1, 2, 4 là những câu bắt buộc. Còn câu 3 có thể thay thế hoặc thêm vào bằng nhiều câu khác tùy các bạn. Ví dụ nói tuổi, sở thích, nghề nghiệp vvv...Tuy nhiên kn của mình là không nên nói nhiều quá. Vì nói nhiều quá giới thiệu xong không còn gì để hỏi nữa. Cuộc hội thoại như vậy sẽ khó triển khai – Người nói chuyện có duyên thì học ngôn ngữ nhanh hơn là vậy.

#### Thói quen dùng わたし

– Lúc học thì các bạn hay quen dùng わたし は , nói cái gì là cũng phải có わたし は , đây là điều dễ hiểu và ngày xưa mình cũng vậy. Nhưng sau này được người N họ sửa cho nên ít dùng lại. Các bạn thấy a Mira huyền thoại cũng không dùng わたし は . Bỏ được càng sớm thì cách nói chuyện càng tự nhiên trừ trường hợp phải dùng nhé- ví dụ như わたしのおかね。。。

– Sau khi nghe người khác giới thiệu bản thân thì hãy chủ động hỏi họ những câu hỏi nhé, vì là lần gặp đầu tiên nên tránh hỏi tuổi ra nhé. Có nhiều người bị ngại khi hỏi vậy, như mình chẳng hạn- già rồi...

### IV. Phần luyện tập minna bài 1

Để luyện tập bài này các bạn hãy tự giới thiệu bản thân nhé- ghi ra, đứng trước gương luyện tới bg nói thuần thục thì thôi. Vần ôn võ luyện là vậy. Lướt face chỉ để lấy thông tin thôi. Lấy rồi để đấy cũng bay hết, các bạn có là thành viên tích của của 1000 group cũng vậy.

Ví dụ mình sẽ giới thiệu bản thân

はじめまして。

マインです。

会社員です。

どうぞ 宜しくおねがいします。

## V. Ngữ pháp minna bài 1- phần RenshuuB

Bổ sung thêm phần chữa bài RenshuuB cho các bạn nhé.

### Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 1

例：ミラーさんは アメリカ人です。

Anh Mira là người Mỹ.

Mẫu này luyện tập ngữ pháp **Danh từ 1 は Danh từ 2 です。**

Danh từ 1 là danh từ 2. Trường hợp phần luyện tập này để nói **ai đó là người nước nào.**

①山田（やまだ）さんは 日本人（にほんじん）です。

Chị Yamada là người Nhật.

②ワットさんは イギリス人です。

Anh Watto là người Anh.

③タワポンさんは タイ人（じん）です。

Anh Tawapon là người Thái.

④シュミットさんは ドイツ人です。

Anh Shumitto là người Đức.

### Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 2

Phần này chúng ta tiếp tục luyện tập ngữ pháp **Danh từ 1 は Danh từ 2 です。**

Nhưng để nói **nghề nghiệp** của ai đó.

例：ミラーさんは 会社員（かいしゃいん）です。

Anh Mira là nhân viên công ty.

①山田さんは 銀行員（ぎんこういん）です。

Chị Yamada là nhân viên ngân hàng.

②ワットさんは 先生（せんせい）です。

Anh Watto là giáo viên.

③タワポンさんは 学生（がくせい）です。

Anh Tawapon là học sinh.

④シュミットさんは エンジニア です。

Anh Shumitto là kỹ sư.

## Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 3

Chúng ta sẽ luyện tập mẫu câu đã học: **Danh từ 1 は Danh từ 2 じゃ ありません**

**Danh từ 1 không phải là danh từ 2.**

例：ミラーさんは 銀行員（ぎんこういん）じゃ ありません。

Anh Mira không phải là nhân viên ngân hàng.

①山田（やまだ）さんは エンジニア じゃ ありません。

Chị Yamada không phải là kỹ sư.

②ワットさんは ドイツ人 じゃ ありません。

Anh Watto không phải là người Đức.

③タワポンさんは 先生（せんせい）じゃ ありません。

Anh Tawapon không phải là giáo viên.

④シュミットさんは アメリカ人 じゃ ありません。

Anh Shummito không phải là người Mỹ.

Phần này chúng ta sẽ cùng nhau luyện tập ngữ pháp : **Danh từ 1 は Danh từ 2 ですか**

**Danh từ 1 có phải là danh từ 2 không?**

例：ミラーさんは アメリカ人 ですか。

Anh Mira có phải là người Mỹ không?

はい、アメリカ人です。

Vâng, anh ấy là người Mỹ.

例 2：ミラーさんは 医者（いしゃ）ですか。

Anh Mira có phải là bác sĩ không?

いいえ、医者じゃ ありません。

Không, không phải là bác sĩ.

Với câu trả lời có thì chúng ta dùng はい+ nhắc lại danh từ 2. Nếu là không thì いいえ+ Danh từ 2 + じゃ ありません(phủ định).

①山田（やまだ）さんは 銀行員（ぎんこういん）ですか。

Chị Yamada có phải là nhân viên ngân hàng không?

はい、銀行員です。

Đúng rồi, là nhân viên ngân hàng.

②ワットさんは フランス人ですか。

Anh Wattto có phải là người Pháp không?

いいえ、フランス人 じゃ ありません。

Không phải, anh Watto không phải là người Pháp.

③タワポンさんは 会社員（かいしゃいん）ですか。

Anh Tawapon có phải là nhân viên công ty không?

いいえ、会社員じゃありません。

Không, không phải là nhân viên công ty.

④シュミットさんは エンジニア ですか。

Anh Shumitto có phải là kỹ sư không?

はい、エンジニア です。

Đúng rồi, đúng là kỹ sư.

## Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 5

Phần này chúng ta luyện tập việc sử dụng trợ từ **も = cũng**.

例：ミラーさんは 会社員（かいしゃいん）です。グプタさん **も** 会社員ですか。

Anh Mira là nhân viên công ty. Anh Gupta **cũng** là nhân viên công ty có phải không?

はい、グプタさん**も** 会社員です。

Đúng rồi, anh Gupta **cũng** là nhân viên công ty.

例：ミラーさんは アメリカ人です。グプタさん**も** アメリカ人ですか。

Anh Mira là người Mỹ. Anh Gupta cũng là người Mỹ có phải không?

いいえ、グプタさん**は** アメリカ人じゃ ありません。

Không phải, anh Gupta không phải là người Mỹ.

Lưu ý câu trả lời có thì trợ từ của câu trả lời dùng **も**. Như trong ví dụ 1. Còn nếu câu trả lời là không thì dùng **は** như trong ví dụ 2.

①山田さんは 銀行員（ぎんこういん）です。イーさん**も** 銀行員ですか。

Chị Yamada là nhân viên ngân hàng. Chị I **cũng** là nhân viên ngân hàng có phải không?

いいえ、イーさん**は** 銀行員じゃ ありません。

Không phải, chị I không phải là nhân viên ngân hàng. (Muốn biết chị I có phải là nhân viên ngân hàng hay không thì các bạn phải xem trong ảnh hoặc phần đầu sách có giới thiệu các nhân vật mới trả lời chính xác được nhé).



②ワットさんは 先生（せんせい）です。ワンさん**も** 先生ですか。

Anh Watto là giáo viên. Anh Wan **cũng** là giáo viên có phải không?

いいえ、ワンさん**は** 先生じゃ ありません。

Không phải, anh Wan không phải là giáo viên.

③タワポンさんは 学生（がくせい）です。カリナさん**も** 学生ですか。

Anh Tawapon là học sinh. Chị Karina cũng là học sinh có phải không?

はい、カリナさん**も** 学生です。

Đúng rồi, Chị Karina **cũng** là học sinh.

④シュミットさんは ドイツ人です。サントスさん**も** ドイツ人ですか。

Anh Shumitto là người Đức. Anh Santos **cũng** là người Đức có phải không?

いいえ、サントスさん**は** ドイツ人じゃ ありません。

Không phải, anh Santos không phải là người Đức.

## Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 6

Phần này giúp chúng ta luyện tập trợ từ **の** = **Của** nối 2 danh từ với nhau.

例：あの 方（かた）は どなた ですか。

Vị kia là vị nào vậy?

グプタさんです。IMC**の** 社員（しゃいん）です。

Là anh Guputa. Nhân viên **của** công ty IMC.

Phần tiếp theo mình sẽ lược bỏ câu hỏi: Vị kia là vị nào nhé. Vì giống nhau cho những câu dưới đây.

①イーさんです。AKC**の** 研究者（けんきゅうしゃ）です。

Là chị I. Nghiên cứu viên **của** AKC.

②Vị kia là vị nào vậy?

ワンさんです。神戸病院（こうべびょういん）**の** 医者（いしゃ）です。

Là anh Wan. Bác sĩ **của** bệnh viện Kobe.

③Vị kia là vị nào vậy?

カリナさんです。富士大学（ふじだいがく）**の** 学生（がくせい）です。

Là chị Karina. Là sinh viên **của** đại học Fuji.

④Vị kia là vị nào vậy?

サントスさんです。ブラジルエアー**の** 社員（しゃいん）です。

Là anh Santos. Nhân viên của công ty Braxinea.

## Ngữ pháp minna bài 1 – RenshuuB 7

Phần này chúng ta sẽ tiếp tục luyện tập ngữ pháp:**Danh từ 1 は Danh từ 2 です。**

Nhưng dùng trong trường hợp muốn nói tuổi của ai đó. Các bạn nhìn vào tranh sẽ thấy tuổi của từng người nhé.

例：グプタさんは 42歳（さい）です。

Anh Guputa 42 tuổi.

①イーさんは 35歳（さい）です。

Chị I 35 tuổi

②ワンさんは 29歳です。

Anh Wan 29 tuổi.

③カリナさんは 24歳です。

Chị Karina 24 tuổi.

④サントスさんは 39歳です。

Anh Santos 39 tuổi.

Xin hết minna bài 1. Chúc các bạn học tốt. Các bạn có thắc mắc gì về bài học, những gì liên quan cứ commnet nhé.Và mong nhận được phản hồi của các bạn để bài viết này và các bài viết nữa tốt hơn. Mình rất trân trọng những ý kiến đóng góp.Xin Cảm ơn.

Ngữ pháp minna bài 1

Link học kanji N5:

<https://trainghiemnhatban.net/category/kanji-n5/>

Ngữ pháp minna bài 1

Link trang face page:

<https://www.facebook.com/trainghiemnhatban/>

## Comments

comments